FireAnt

CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)

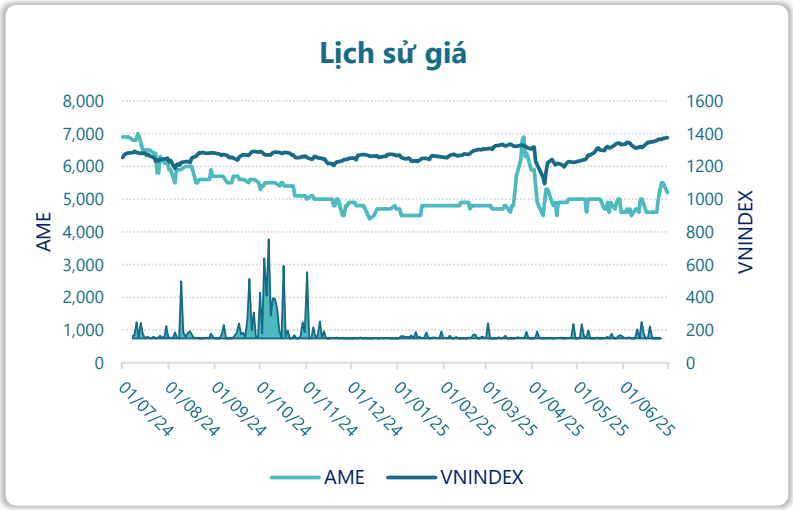

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,095
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	339
P/E	10.3
EPS	503

DT thuần

Q2/25

1,266

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 142| 12.7%

YoY: ▲ 193| 18.0%

LN sau thuế

Q2/25

16.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.1| 1026%

YoY: ▲ 9.63| 138%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.8%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

6T 2025

2,391

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 836| 53.7%

LN sau thuế

6T 2025

18.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.1| 128%

ROE

Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh

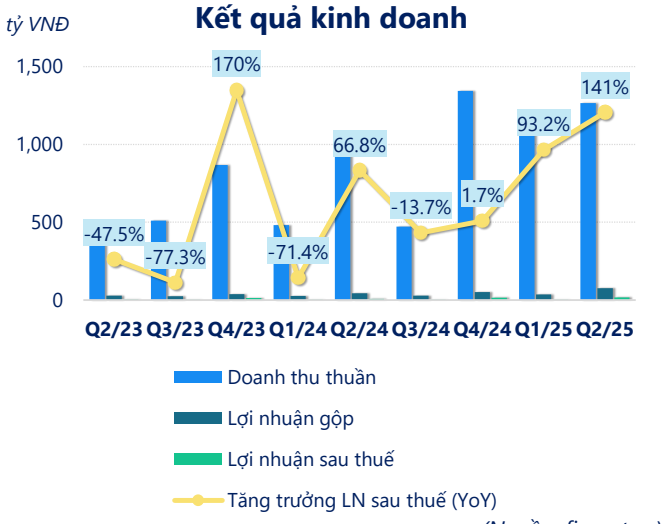

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

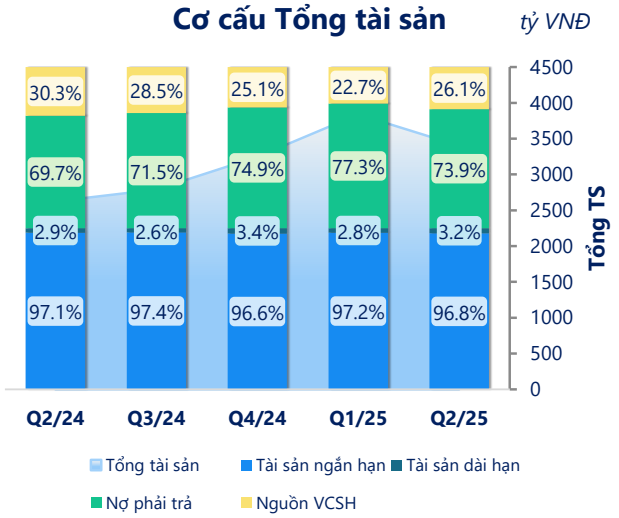

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

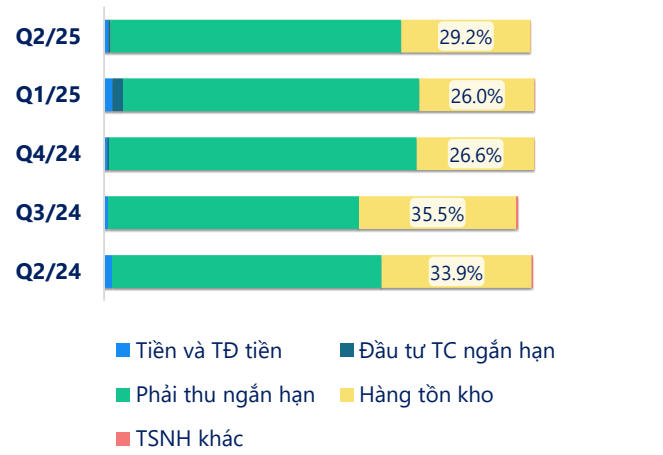

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

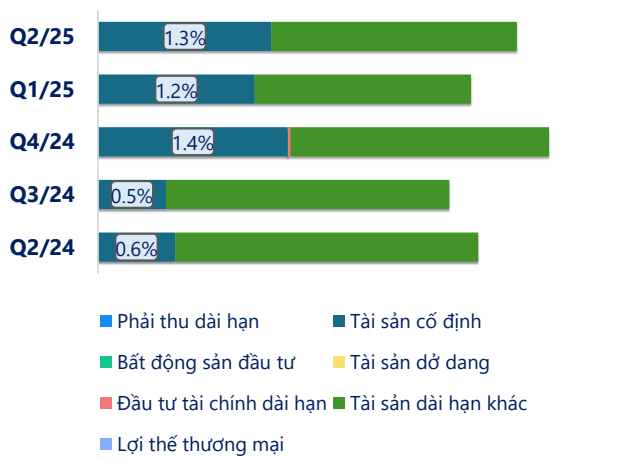

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

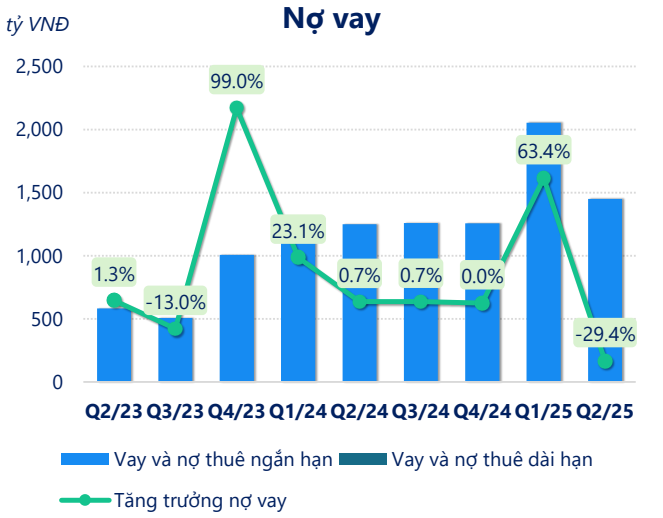

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

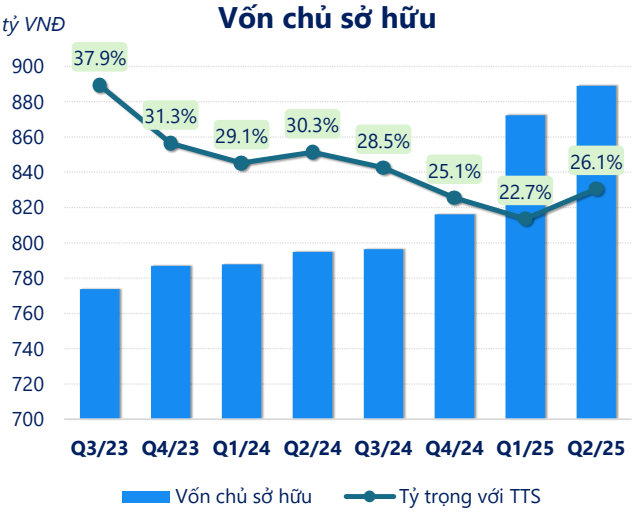

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

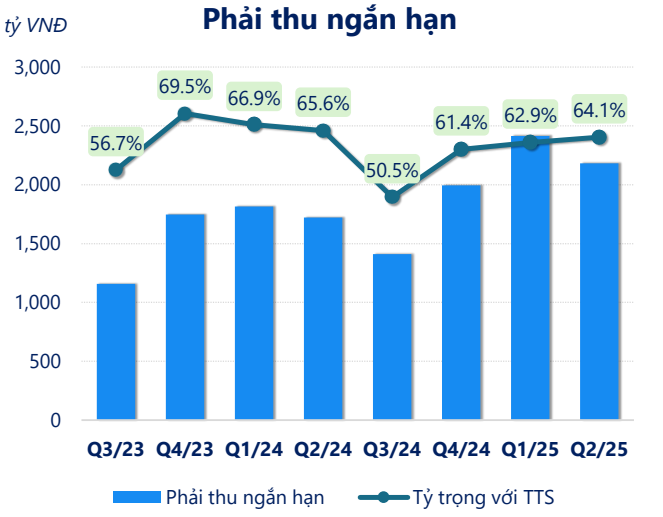

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

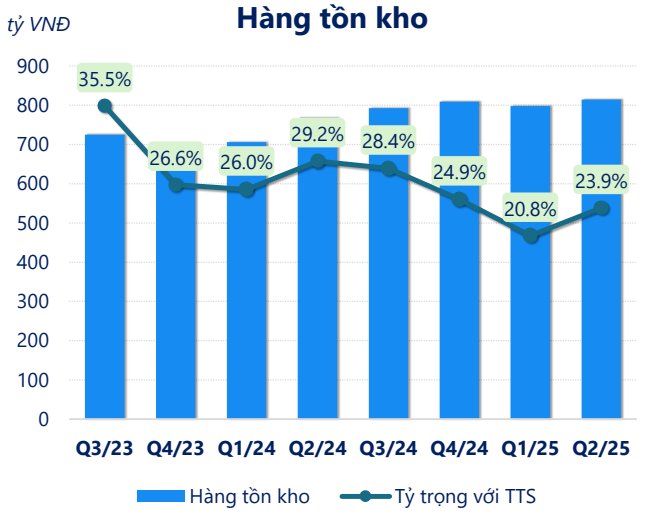

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

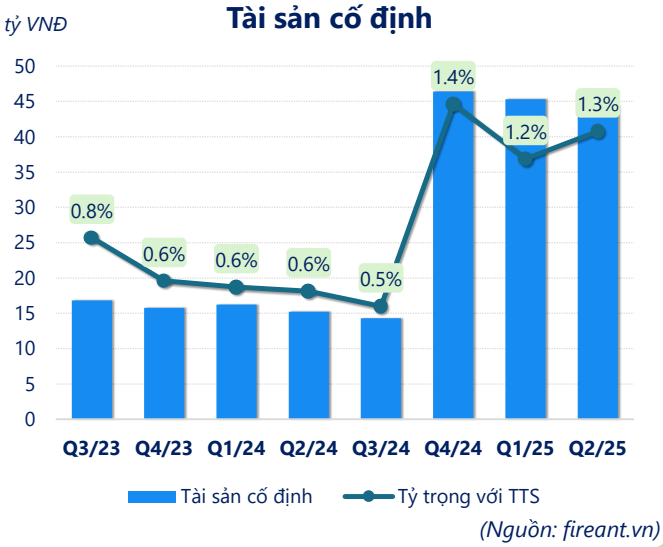

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

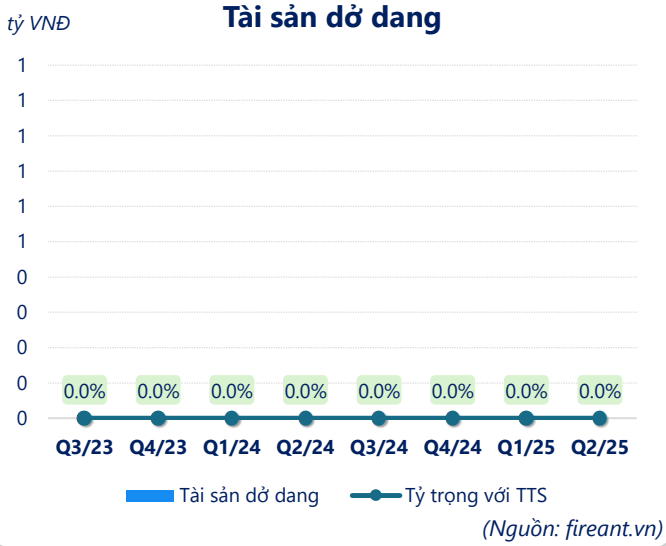

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

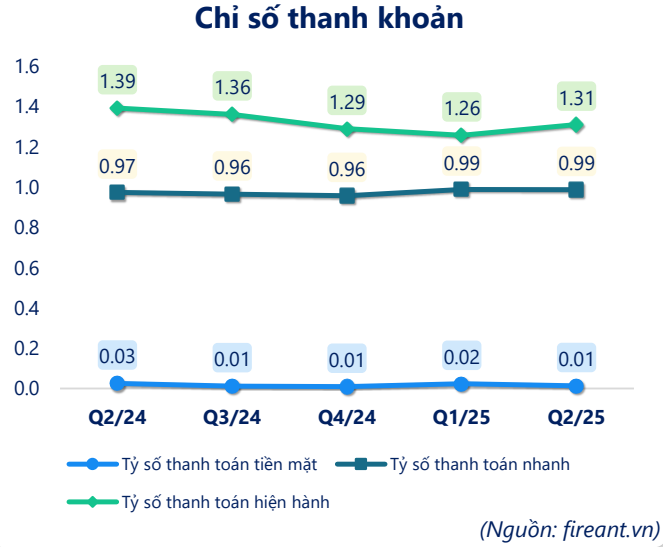

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

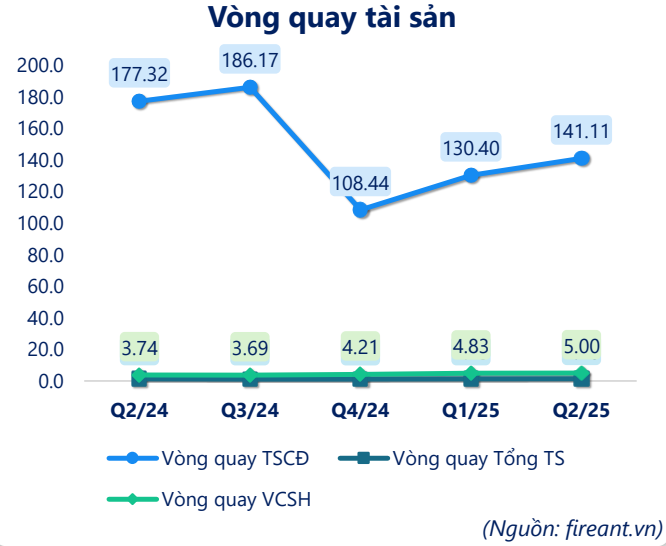

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,625**	**2,790**	**3,248**	**3,839**	**3,401**
Tài sản ngắn hạn	**2,550**	**2,717**	**3,138**	**3,731**	**3,294**
Tiền và tương đương tiền	46.3	24.3	22.7	70.9	32.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.7	489	300	436	261
Phải thu ngắn hạn	1,722	1,410	1,994	2,415	2,181
Hàng tồn kho	768	793	809	798	814
Tài sản ngắn hạn khác	1.42	1.04	12.1	10.8	5.97
Tài sản dài hạn	**75.1**	**73.8**	**110**	**108**	**107**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	15.2	14.3	46.4	45.3	44.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0.63	0	0
Tài sản dài hạn khác	59.9	59.5	63.2	62.5	62.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,831**	**1,994**	**2,432**	**2,967**	**2,512**
Nợ ngắn hạn	**1,831**	**1,994**	**2,432**	**2,966**	**2,512**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,249	1,258	1,258	2,055	1,451
Phải trả người bán ngắn hạn	522	588	846	635	630
Nợ dài hạn	0	0	0.41	0.41	0.41
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**795**	**796**	**816**	**872**	**889**
Vốn chủ sở hữu	**795**	**796**	**816**	**872**	**889**
Vốn điều lệ	652	652	652	652	652
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)